TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2022
V/v Tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn D và bà Bùi Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Toà án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm C khai vụ dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị L(tên gọi khác: Hà Thị N), sinh năm 1972; "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh H;

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1968; "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Hà Thị Ltrình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn với nhau vào năm 1992 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm Q theo quy định của pháp luật. Năm 1992 khi tổ chức xong lễ cưới, chị và anh C có đến nhà ông Đích (chị không biết họ của ông Đích) ở thôn A, xã C là chủ tịch UBND xã C thời điểm đó để nhờ ông Đích làm thủ tục đăng ký kết hôn, khi đến chị cũng không mang theo giấy tờ gì để nộp cho ông Đích, còn ông Đích có làm thủ tục và có đăng ký kết hôn

cho chị và anh C hay không thì chị không biết, chị và anh C chưa bao giờ nhận được giấy chứng nhận kết hôn hoặc ký các thủ tục giấy tờ đăng ký kết hôn (ông Đích đã chết cách đây khoảng 5 - 6 năm), ngoài ông Đích ra thì chị không nhờ ai đăng ký kết hôn và cũng chưa bao giờ lên UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tình cảm giữa chị và anh C bình thường được khoảng 10 năm đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên rượu chè say xỉn, kiếm cớ chửi và đánh đập chị rất nhiều lần, kể cả khi không say rượu thì anh C cũng kiếm cớ chửi và đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên năm 2002 chị đã đi vào Miền Nam làm ăn, chị và anh C chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, thi thoảng nhà có C việc thì chị mới về nhưng chị và anh C không nói chuyện với nhau, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau Na. Cuối năm 2021 chị có về H thăm con, thăm cháu, mặc dù về nhà nhưng chị và anh C không chuyện trò gì với nhau, không ăn chung, không ngủ chung và anh C vẫn rượu chè say sưa, tìm cớ chửi và đánh đập chị, từ cuối năm 2021 cho đến nay đã 03 lần chị phải gọi C an xã C đến giải quyết việc anh C đánh đập chị. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh C được Na, mâu thuẫn giữa chị và anh C đã thực sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh C có với nhau 01 con chung là Vũ Văn L, sinh năm 1993. Hiện nay cháu L đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2022 bị đơn anh Vũ Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hà Thị Lvào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do lâu năm rồi nên anh không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Trước khi kết hôn, anh và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, anh và chị L sống với nhau tình cảm bình thường được khoảng 10 năm đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L là người sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên sống lạnh nhạt với anh, chị L không dành tình cảm cho anh mà luôn hướng về người khác, việc chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác anh có biết nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để xuất trình cho Tòa án. Cũng có lần chị L mong muốn quay về chung sống cùng anh nhưng tâm tính không thay đổi nên giữa anh và chị L không có cuộc sống chung nhiều năm nay. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau Na. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L, mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Vũ Văn L, sinh năm 1993, cháu L đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, C sức đóng góp: Không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng canh tác: Được nhà nước chia theo khẩu, của ai người đó sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Đức H - Trưởng thôn D cung cấp thông tin:

Chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C có quan hệ là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, còn chị L, anh C có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm Q theo quy định của pháp luật hay không thì ông không nắm được. Quá trình sinh sống tại địa phương, ông nắm được vợ chồng chị L, anh C có xảy ra mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ vấn đề tình cảm, chị L và anh C sống với nhau không có tình cảm, còn cụ thể như thế nào ông không nắm rõ. Thời gian gần đây vợ chồng anh C có xảy ra xô xát, chị L có làm đơn đề nghị C an xã giải quyết. Ông được biết chị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về, vợ chồng sống ly thân nhau nhiều năm nay. Chị L và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Văn L, cháu L đã có gia đình riêng và đi làm ăn xa nhà.

UBND xã C cung cấp thông tin:

Kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã C, huyện P từ năm 1992 cho đến nay không có tên của chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C trong sổ đăng ký kết hôn. Theo nắm bắt thông tin tại địa phương thì chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay. Việc chị L, anh C có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Chị L và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Văn L, sinh năm 1993, hiện nay con chung của chị L, anh C đã trưởng thành, có gia đình riêng. Chị L, anh C có tài sản gì chung hay không thì địa phương không nắm được vì chưa khi nào địa phương nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản của chị L, anh C. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L, bị đơn anh C vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng Q và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét

xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C; Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Văn L, cháu L đã trưởng thành, có gia đình riêng, anh C và chị L không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Chị L và anh C không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm Q và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm Q: Chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm Q. Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh C; anh C đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn D, xã C, huyện P, tỉnh H vì vậy Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết vụ án là đúng thẩm Q quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã C có căn cứ xác định chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, tuy nhiên hai anh chị không đăng ký kết hôn với cơ quan nhà nước có thẩm Q theo quy định của pháp luật, mặc dù từ năm 1992 cho đến nay chị L và anh C đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là không hợp pháp, do đó không làm phát sinh Q, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị L và anh C chung sống với nhau tình cảm bình thường được khoảng 10 năm đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, chị L thì cho rằng anh C thường xuyên rượu chè say xỉn, kiếm cớ chửi và đánh đập chị rất nhiều lần, kể cả khi không say rượu thì anh C cũng kiếm cớ chửi và đánh đập chị, còn anh C thì cho rằng chị L là người sống không chung thủy, có

quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên sống lạnh nhạt với anh, chị L không dành tình cảm cho anh mà luôn hướng về người khác. Chị L và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay mỗi người một nơi, không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau Na, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, chị L và anh C đều xác định không còn tình cảm với nhau, hai anh chị đã sống ly thân nhau từ lâu. Do chị L và anh C không đăng ký kết hôn nên HĐXX không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C theo quy định tại Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Hà Thị Lvà bị đơn anh Vũ Văn C đều xác nhận anh, chị có với nhau 01 con chung là cháu Vũ Văn L, sinh năm 1993, cháu L đã trưởng thành, chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị Lphải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 9, 14, 51, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không C nhận chị Hà Thị L(tên gọi khác: Hà Thị N) và anh Vũ Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Hà Thị Lvà anh Vũ Văn C có 01 con chung là cháu Vũ Văn L, sinh năm 1993, cháu L đã trưởng thành, chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Lphải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006097, ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Mạnh Q